

Ngày 31/03/2024	50,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.2%	1.0%	-9.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	45,700 - 61,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,930
Số lượng CPLH (CP)	78,594,453
KLGD BQ 20 phiên (CP)	175,095
Sở hữu nước ngoài	23.3%
Beta	0.41
EPS	4,410
P/E	11.3

DT thuần
Q1/24

809

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 120| 17.4%

YoY: ▼110| -12.0%

LN trước thuế
Q1/24

112

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 72.9| 186%

YoY: ▼14.0| -11.4%

LN sau thuế
Q1/24

88.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.8| 210%

YoY: ▼11.7| -11.7%

ROA
2023

12.6%

+/- YoY: ▼ 2.5%

DT thuần
2023

3,462

tỷ VNĐ

YoY: ▼59.0| -1.7%

LN trước thuế
2023

452

tỷ VNĐ

YoY: ▼55.0| -10.8%

LN sau thuế
2023

356

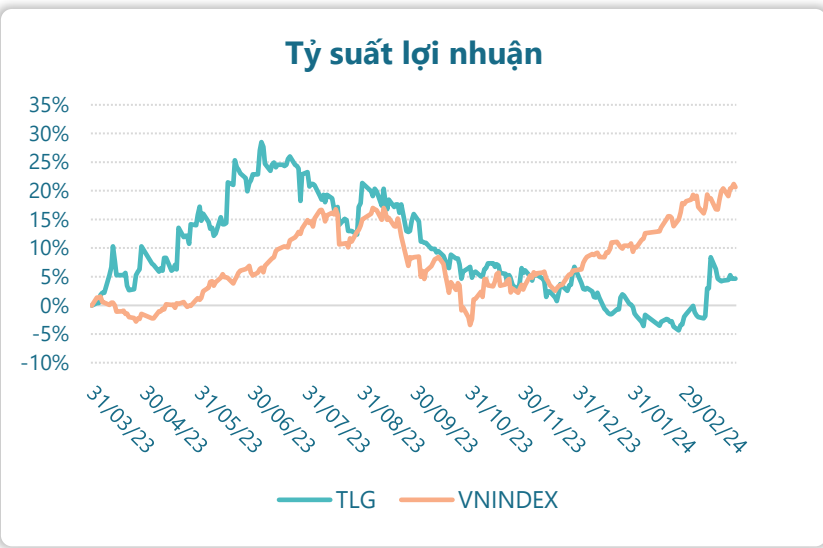
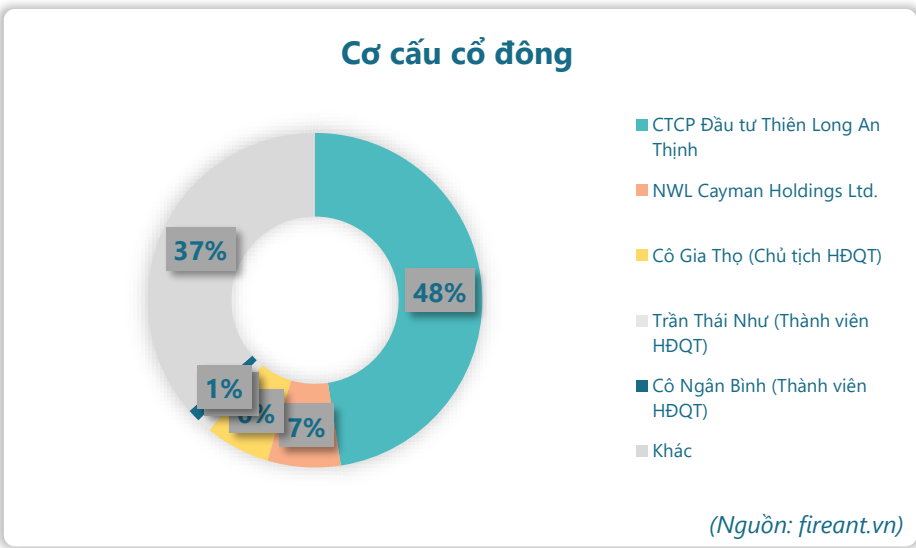
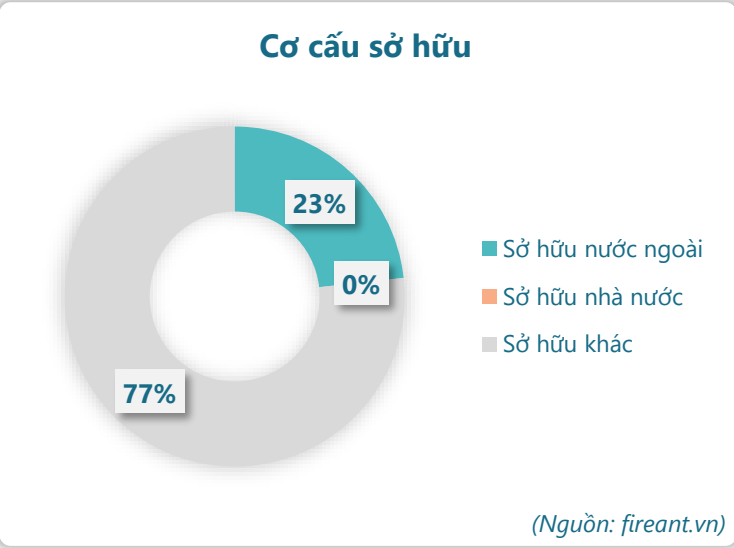
tỷ VNĐ

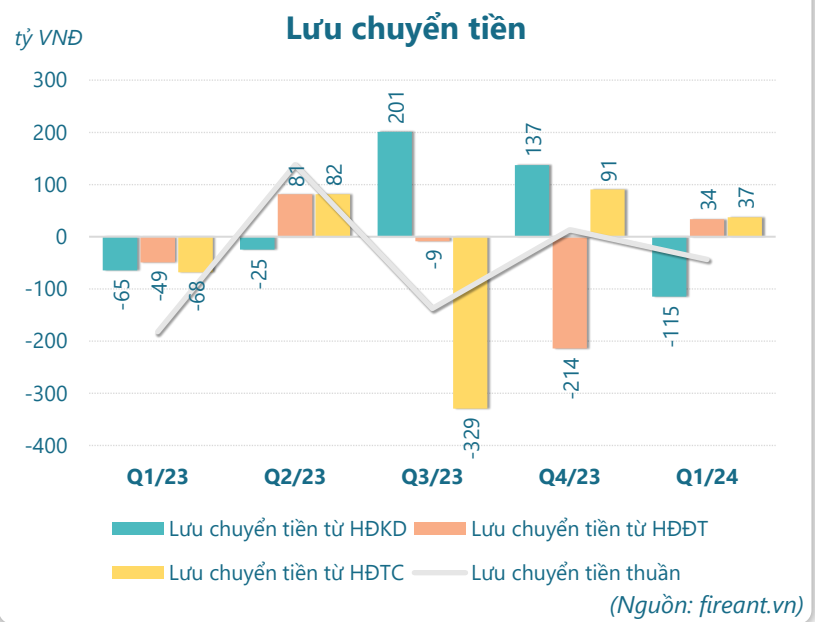
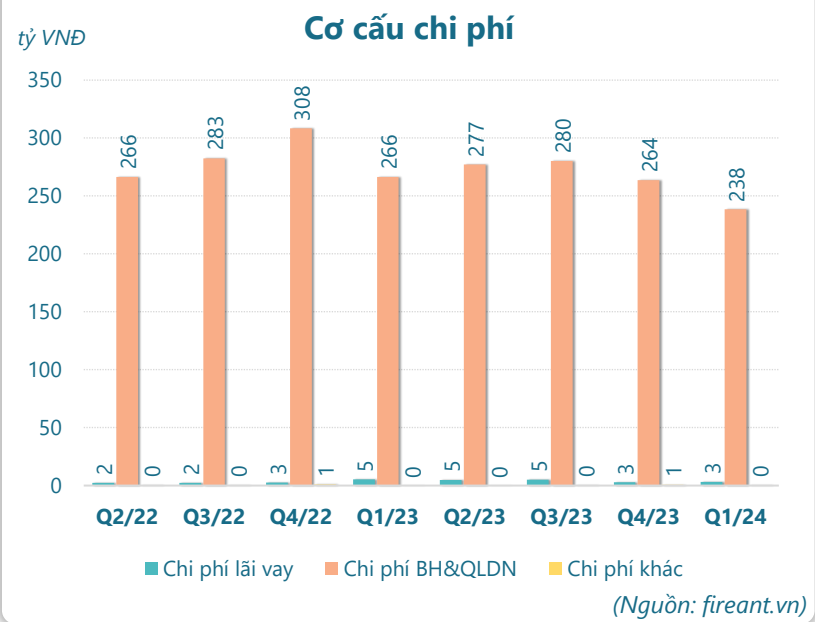
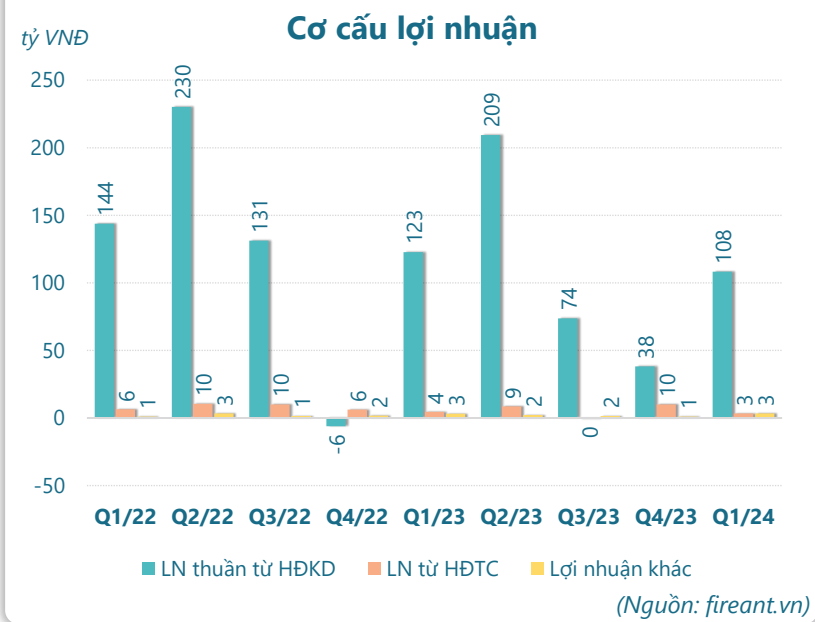
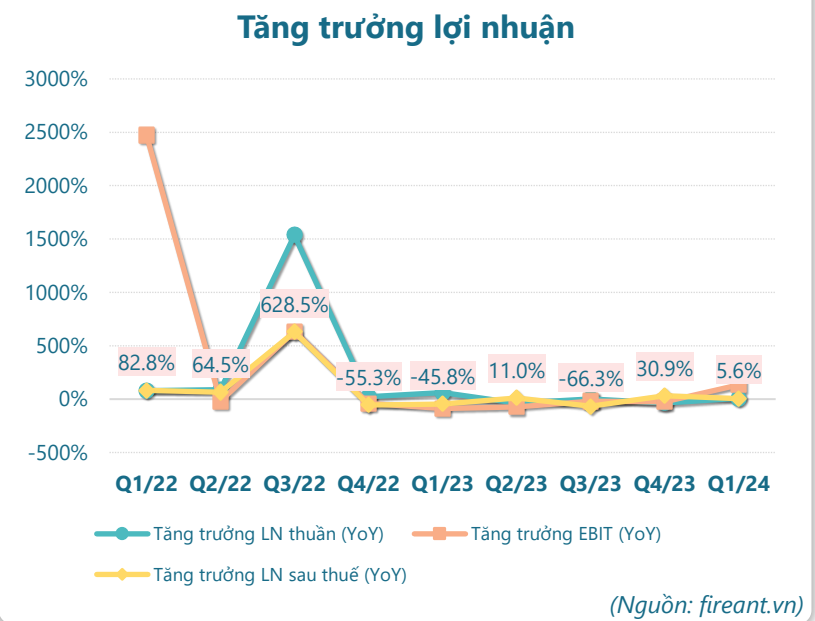
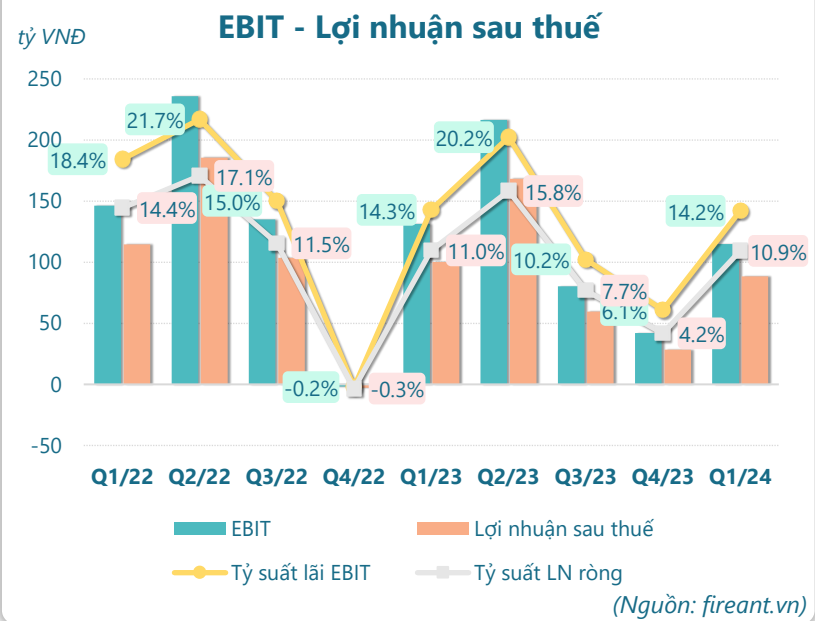
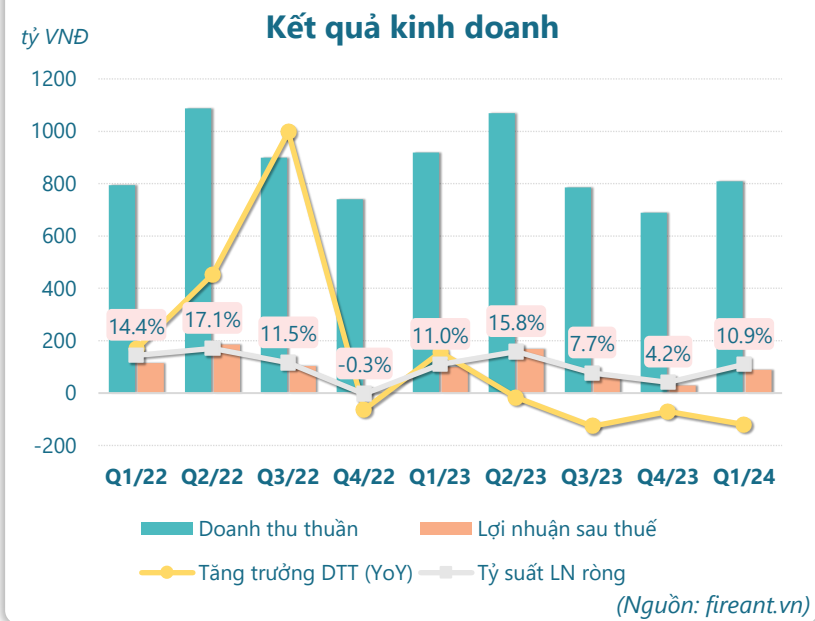
YoY: ▼45.0| -11.2%

ROE
2023

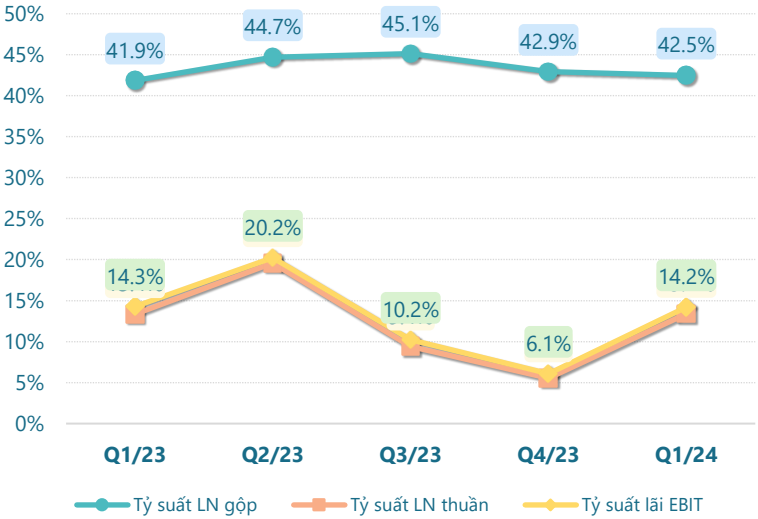
17.7%

+/- YoY: ▼ 3.5%



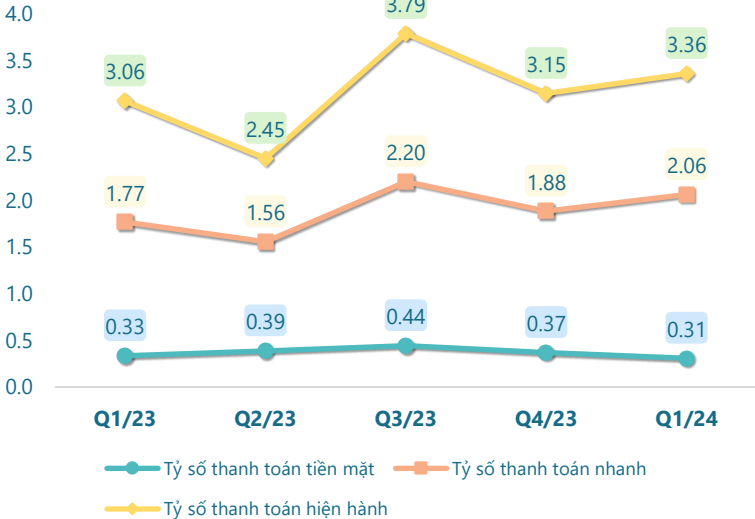


Tỷ suất lợi nhuận



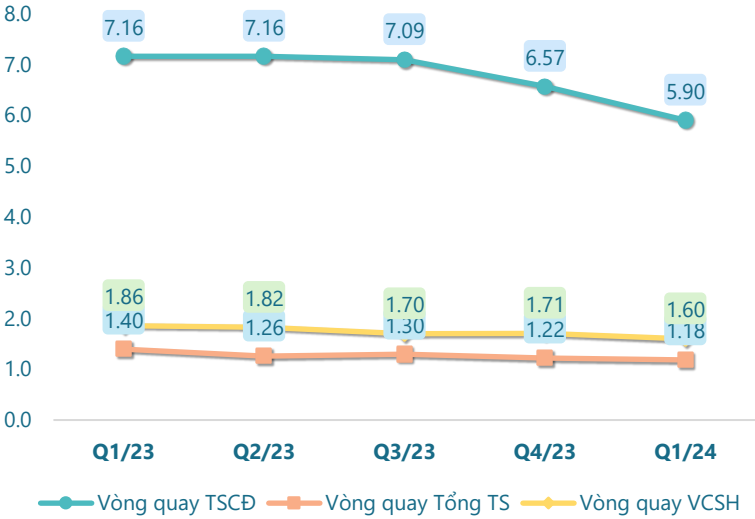
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



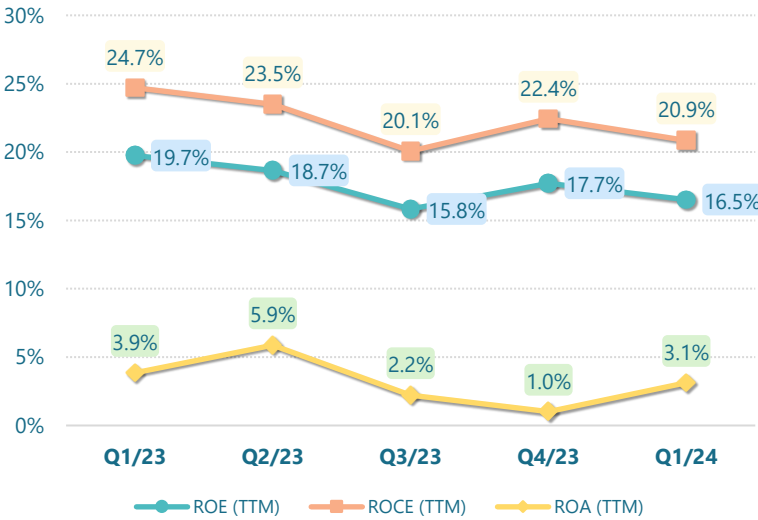
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



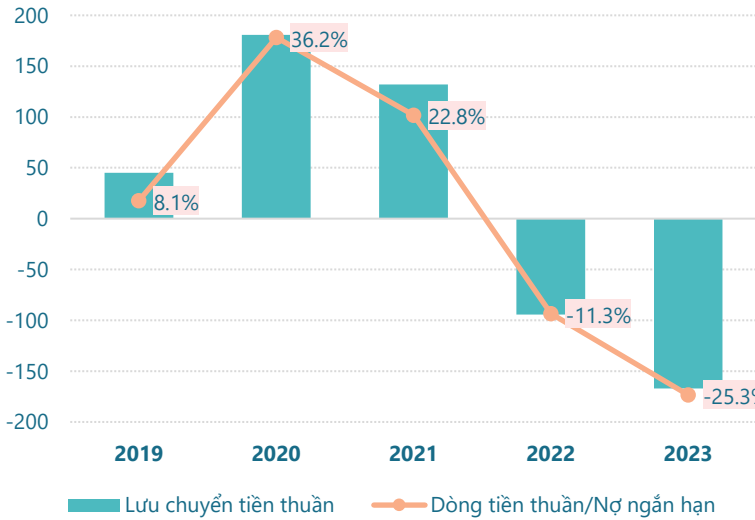
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



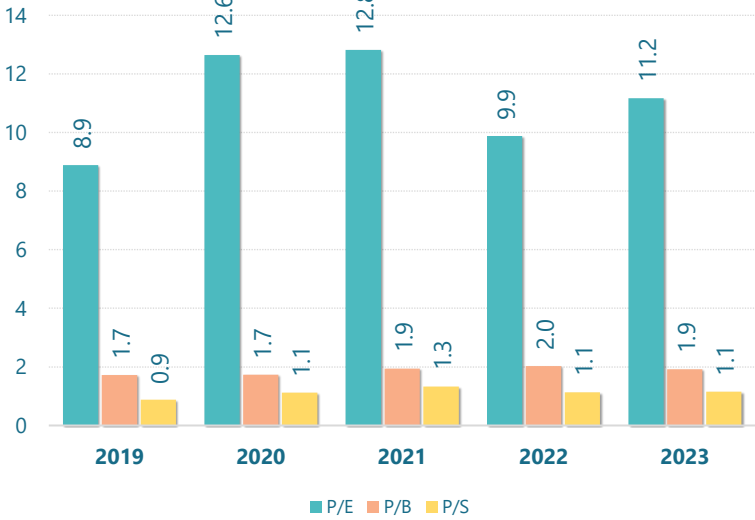
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)